

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
**VĂN PHÒNG**

Số: 2808 /VP-KTN

V/v xin ý kiến hồ sơ điều chỉnh  
hình thức sử dụng đất ghi tại khoản  
2 Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-  
UBND ngày 03/01/2014 của  
UBND tỉnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 07 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các đồng chí Thành viên UBND tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 454/TTr-STNMT ngày 09/9/2024 về việc điều chỉnh hình thức sử dụng đất ghi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả rà soát, kê khai tình hình sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc tại xã Xuân Hòa, xã Xuân Hưng, xã Xuân Tâm, xã Xuân Thành, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc (kèm theo Tờ trình, dự thảo Quyết định).

Thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh kính đề nghị các Thành viên UBND tỉnh góp ý hồ sơ điều chỉnh hình thức sử dụng đất ghi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND tỉnh.

Kính đề nghị các đồng chí có ý kiến bằng văn bản hoặc ghi trực tiếp vào bản dự thảo, gửi lại Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 11/10/2024. Quá thời gian nêu trên, nếu không nhận được ý kiến, Văn phòng UBND tỉnh xem như thống nhất nội dung dự thảo và sẽ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh nội dung trước khi trình ban hành.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, KTN.

Duy KTN.BanQLRPHXL

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Phong An

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh hình thức sử dụng đất ghi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận kết quả rà soát, kê khai tình hình sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc tại xã Xuân Hòa, xã Xuân Hưng, xã Xuân Tâm, xã Xuân Thành, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông báo Kết quả kiểm toán số 441/TB-KTNNKVXIII ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 454/TTr-STNMT ngày 09 tháng 9 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh hình thức sử dụng đất tại gạch đầu dòng (-) thứ hai khoản 2 Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2014 của UBND tỉnh Đồng Nai như sau:

- Diện tích sử dụng vào mục đích đất rừng sản xuất: 41.491.813,7 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 210.933,9 m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

+ Diện tích đất rừng sản xuất là rừng trồng: 41.280.879,8 m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.



Thời điểm chuyển sang thuê đất và thời điểm tính tiền thuê đất: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 (ngày Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ có hiệu lực thi hành).

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Giao Cục Thuế tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định đơn giá thuê đất làm cơ sở cho Sở Tài nguyên và Môi trường ký Hợp đồng thuê đất với Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường ký Hợp đồng thuê đất với Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc; ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

3. Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc: Ký Hợp đồng thuê đất và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Xuân Hòa, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Thành và Xuân Trường; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc, Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Phi**

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 454/TTr-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 9 năm 2024

## TỜ TRÌNH

**Điều chỉnh hình thức sử dụng đất tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét điều chỉnh hình thức sử dụng đất tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

### 1. Cơ sở đề xuất

Ngày 29/11/2007, UBND tỉnh Đồng Nai ký Quyết định số 4202/QĐ-UBND về việc công nhận kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc tại các xã: Xuân Thành, Xuân Trường, Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hoà, huyện Xuân Lộc. Trong đó, UBND tỉnh chấp thuận giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc đối với diện tích 98.779.400m<sup>2</sup> (bao gồm 34.238.900m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất).

Ngày 26/3/2013, UBND tỉnh Đồng Nai ký Quyết định số 872/QĐ-UBND về việc xử lý kết quả rà soát và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc tại các xã: Xuân Hoà, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Thành và Xuân Trường, huyện Xuân Lộc (thay thế Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 của UBND tỉnh). Trong đó, UBND tỉnh chấp thuận giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc đối với diện tích 41.491.813,7m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất.

Ngày 03/01/2014, UBND tỉnh Đồng Nai ký Quyết định số 02/QĐ-UBND về việc Công nhận kết quả rà soát, kê khai tình hình sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài khác gắn liền với đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc tại xã Xuân Hoà, xã Xuân Hưng, xã Xuân Tâm, xã Xuân Thành, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc. Theo đó, tại gạch đầu dòng thứ 1 khoản 2 Điều 1 Quyết định có nội dung sau:

*“Diện tích đất sử dụng vào mục đích đất rừng sản xuất: 41.491.813,7m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2043. Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất”.*



Ngày 14/12/2022, Chánh Thanh tra tỉnh Đồng Nai ban hành Kết luận Thanh tra số 136/KL-TT về Thanh tra lại Kết luận thanh tra số 2161/KL-STC ngày 05/5/2020 của Giám đốc Sở Tài chính về chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai. Theo đó, tại gạch đầu dòng thứ 2, mục 4 phần IV của Kết luận Thanh tra số 136/KL-TT yêu cầu: Sở Tài nguyên và Môi trường “*Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan khẩn trương rà soát, tham mưu xử lý điều chỉnh Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND tỉnh để chuyển sang hình thức phù hợp đối với phần đất rừng sản xuất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc theo kết luận của kiểm toán và quy định của pháp luật, làm cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính đối với Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc để thực hiện từ năm 2019 về sau (sau kết luận của kiểm toán nhà nước)*”.

## 2. Ý kiến đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường

Tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định 264/2003/QĐ-TTg ngày 16/12/2003 quy định: “*Nhà nước cho thuê đất hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất của các nông, lâm trường sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh*”.

Tại Điều 17 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định: “*Nhà nước cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuê rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng trả tiền thuê rừng một lần hoặc hằng năm để sản xuất lâm nghiệp; sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.*”.

Tại điểm d khoản 1 Điều 184 Luật Đất đai năm 2024 quy định Nhà nước giao đất rừng sản xuất không thu tiền sử dụng đất cho các đối tượng sau đây:

“*d) Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ đối với diện tích đất rừng sản xuất xen kẽ trong diện tích đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ.*”.

Rừng sản xuất tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc liền lô, liền khoảnh, không thuộc dạng xen kẽ trong diện tích đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ.

Tại khoản 3 Điều 30 Luật Đất đai năm 2024 quy định quyền lựa chọn hình thức trả tiền thuê đất:

“*3. Đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất mà có nhu cầu sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích được giao để sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ thì được lựa chọn chuyển sang hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với phần diện tích đó.*”



Theo Kết luận Thanh tra số 136/KL-TT ngày 14/12/2022 của Thanh tra tỉnh xác định “việc Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc sử dụng đất rừng sản xuất vào mục đích sản xuất kinh doanh là đối tượng phải nộp tiền thuê đất hàng năm” và nội dung kết luận có nội dung: “... theo Thông báo Kết quả Kiểm toán số 441/TB-KTNNKVXIII ngày 12/12/2019 của Kiểm toán Nhà nước, việc ban hành Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 là không đúng quy định. Như vậy, căn cứ các quy định trên và kết quả kiểm toán xác định thì Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc thuộc đối tượng cho thuê đất và đóng tiền sử dụng đất đối với diện tích rừng sản xuất, kinh doanh”.

Do đó, thực hiện nội dung tại Kết luận Thanh tra số 136/KL-TT ngày 14/12/2022 của Chánh Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, ký Quyết định với nội dung sau: Điều chỉnh hình thức sử dụng đất tại gạch đầu dòng (-) thứ nhất khoản 2 Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai như sau:

“- Diện tích sử dụng vào mục đích đất rừng sản xuất: 41.491.813,7m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 210.933,9m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

+ Diện tích đất rừng sản xuất là rừng trồng: 41.280.879,8 m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

*Thời điểm chuyển sang thuê đất và thời điểm tính tiền thuê đất: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 (ngày Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ có hiệu lực thi hành). ”*

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thanh tra tỉnh (để biết);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu VT, ĐĐ (17đơn ..04b).



Đặng Minh Đức



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /QB-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 01 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận kết quả rà soát, kê khai tình hình sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài khác gắn liền với đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc tại xã Xuân Hòa, xã Xuân Hưng, xã Xuân Tâm, xã Xuân Thành, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1542/TTr-STNMT ngày 24 tháng 12 năm 2013,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** 1. Công nhận kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất tại xã Xuân Hòa, xã Xuân Hưng, xã Xuân Tâm, xã Xuân Thành, xã Xuân Trường của Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc như sau:

a. Thống kê theo hình thức quản lý: Tổng diện tích 100.500.459,8m<sup>2</sup> đất. Trong đó:

- Diện tích đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc đang sử dụng đúng mục đích được giao: 100.500.459,8m<sup>2</sup>.

b. Thống kê theo hiện trạng sử dụng đất: Tổng diện tích 100.500.459,8m<sup>2</sup> đất. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 98.224.705,4m<sup>2</sup>. Trong đó:

+ Đất sản xuất nông nghiệp: 26.201.441,8m<sup>2</sup>, trong đó đất trồng cây hàng năm là 592.914,1m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm là 25.608.527,7m<sup>2</sup>.

+ Đất lâm nghiệp: 71.882.347,6m<sup>2</sup>, trong đó đất rừng phòng hộ là 36.172.800,8m<sup>2</sup> và đất rừng sản xuất là 35.709.546,8m<sup>2</sup>.



+ Đất nuôi trồng thủy sản: 111.786,0m<sup>2</sup>.

+ Đất nông nghiệp khác: 29.130,0m<sup>2</sup>.

- Đất phi nông nghiệp: 2.275.754,4m<sup>2</sup>, trong đó đất giao thông là 1.292.537,5m<sup>2</sup> và đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng là 983.216,9m<sup>2</sup>.

*(Kèm theo Phụ lục 01: Thống kê hiện trạng sử dụng đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc).*

c. Kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất được thể hiện trong Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng quỹ đất đang quản lý, sử dụng do Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc xác lập ngày 29/8/2013 được thể hiện trên 21 tờ trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5000 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh xác lập ngày 01/9/2011, ngày 11/11/2011, ngày 29/8/2013 và 01 tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh xác lập ngày 29/8/2013.

2. Chấp thuận cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc được tiếp tục sử dụng đất 98.224.705,4m<sup>2</sup> (đã trừ 2.275.754,4m<sup>2</sup> đất giao thông, sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc diện tích 98.221.278,0m<sup>2</sup> (đã trừ 2.275.754,4m<sup>2</sup> đất giao thông, sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng và 3.427,4m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch mở đường sắt), cụ thể như sau:

- Diện tích đất sử dụng vào mục đích đất rừng phòng hộ: 56.703.761,7m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- Diện tích đất sử dụng vào mục đích đất rừng sản xuất: 41.491.813,7m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2043. Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- Diện tích đất sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp khác (chăn nuôi bò): 25.702,6m<sup>2</sup> (đã trừ diện tích 3.427,4m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch mở đường sắt). Thời hạn sử dụng: đến ngày 27/6/2055 (theo thời hạn ghi tại Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 27/6/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai). Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

*(Kèm theo Phụ lục 02: Thống kê diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc).*



3. Đối với diện tích 2.275.754,4m<sup>2</sup> đất giao thông, sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng theo quy định tại Khoản 3.2 Điều 3 Mục II Thông tư 08/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, thì các loại đất trên giao UBND các cấp xã quản lý. Tuy nhiên, toàn bộ diện tích 2.275.754,4m<sup>2</sup> đất nằm trong ranh giới do Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc đang quản lý và theo Quyết định số 4505/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai thì diện tích 2.275.754,4m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng. Do vậy, kính đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận giao diện tích 2.275.754,4m<sup>2</sup> đất trên cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc quản lý và không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích này. Đồng thời, Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc có trách nhiệm quản lý chặt chẽ phần diện tích trên, giữ nguyên hiện trạng và không được làm thay đổi dòng chảy, thay đổi mục đích sử dụng đối với phần diện tích trên khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

**Điều 2.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc theo ủy quyền của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 đối với phần diện tích 98.221.278,0m<sup>2</sup> (đã trừ 2.275.754,4m<sup>2</sup> đất giao thông, sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng và 3.427,4m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch mở đường sắt), với các nội dung sau:

- Diện tích đất sử dụng vào mục đích đất rừng phòng hộ: 56.703.761,7m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- Diện tích đất sử dụng vào mục đích đất rừng sản xuất: 41.491.813,7m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2043. Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- Diện tích đất sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp khác (chăn nuôi bò): 25.702,6m<sup>2</sup> (đã trừ diện tích 3.427,4m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch mở đường sắt). Thời hạn sử dụng: đến ngày 27/6/2055 (theo thời hạn ghi tại Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 27/6/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai). Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

*(Kèm theo Phụ lục 02: Thống kê diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc).*

**Điều 3.** Khi sử dụng đất Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đất đai.



**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 và Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch UBND huyện Xuân Lộc, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Xuân Lộc, Chủ tịch UBND xã Xuân Hòa, Chủ tịch UBND xã Xuân Hưng, Chủ tịch UBND xã Xuân Tâm, Chủ tịch UBND xã Xuân Thành, Chủ tịch UBND xã Xuân Trường; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc; Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

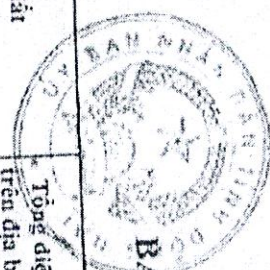
- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN, NC, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



\_\_\_\_\_  
Võ Văn Chánh





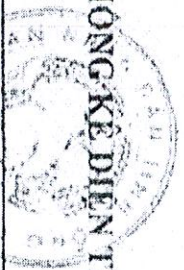
**PHỤ LỤC 01**  
**THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG**  
**BÀN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ XUÂN LỘC**

Đơn vị tính: m<sup>2</sup>

TT	Loại đất	Tổng diện tích trên địa bàn 5 xã	Chia theo đơn vị hành chính xã					Ghi chú
			xã Xuân Hòa	xã Xuân Tâm	xã Xuân Thành	xã Xuân Trường	xã Xuân Hưng	
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>	<b>100.500.459.80</b>	<b>39.362.842.70</b>	<b>6.343.462.10</b>	<b>33.967.870.90</b>	<b>9.828.827.90</b>	<b>10.997.456.20</b>	
1	Đất nông nghiệp	98.224.705.40	38.536.297.90	6.191.619.20	33.173.703.90	9.575.906.40	10.747.178.00	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	26.201.441.80	6.256.584.00	2.979.922.30	10.914.666.50	3.260.001.80	2.790.267.20	
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	592.914.10	10.104.50	132.388.40	209.089.70	210.042.60	31.288.90	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	25.608.527.70	6.246.479.50	2.847.533.90	10.705.570.80	3.049.959.20	2.758.978.30	
1.2	Đất làm nghiệp	71.882.347.60	32.257.182.50	3.149.054.10	22.236.216.70	6.284.777.30	7.955.117.00	
1.2.1	Đất rừng sản xuất (SX)	35.709.546.80	16.086.620.80	747.469.80	14.547.043.90	1.500.026.70	2.828.385.60	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ (PH)	36.172.800.80	16.170.561.70	2.401.584.30	7.689.172.80	4.784.750.60	5.126.731.40	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	111.786.00	22.531.40	33.512.80	22.820.70	31.127.30	1.793.80	
1.4	Đất nông nghiệp khác	29.130.00	-	29.130.00	-	-	-	
2	Đất phi nông nghiệp	2.275.754.40	826.544.80	151.842.90	794.167.00	252.921.50	250.278.20	
2.1	Đất giao thông	1.292.537.50	350.729.30	82.245.00	521.803.40	191.930.60	145.829.20	
2.2	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	983.216.90	475.815.50	69.597.90	272.363.60	60.990.90	104.449.00	



**PHỤ LỤC 02**  
**THÔNG KÊ DIỆN TÍCH ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO**  
**BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ XUÂN LỘC**



Đơn vị tính: m<sup>2</sup>

TT	MỤC ĐÍCH CẤP GIẤY THEO QUY HOẠCH 3 LOẠI RỪNG	Tổng diện tích trên địa bàn 5 xã	Chia theo đơn vị hành chính xã						Ghi chú
			Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Tân	Xã Xuân Thành	Xã Xuân Trường	Xã Xuân Hưng		
1	Đất rừng sản xuất (SX)	41.491.813.70	38.536.297.90	6.188.191.80	33.173.703.90	19.427.187.50	9.575.906.40	10.747.178.00	
2	Đất rừng phòng hộ (PH)	56.703.761.70	16.471.671.70	6.162.489.20	13.746.516.40	9.575.906.40	10.747.178.00		
3	Đất nông nghiệp khác	25.702.60	-	25.702.60	-	-	-	-	